

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DANH SÁCH THI HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC
ĐỐI TƯỢNG: HỌC VIÊN HỌC VIỆN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 2021 - 2023
NGÀY GIỜ THI: 13 giờ ngày 14/5/2022
ĐỊA ĐIỂM: Giảng đường 7B (Tòa nhà 15 tầng)

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	127211137	Trần Duy Đạt	Nam	06/8/1993	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
2	127211138	Nông Văn Huy	Nam	14/12/1990	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
3	127211140	Hoàng Ngọc Long	Nam	12/5/1996	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
4	127211141	Phạm Trường Minh	Nam	27/01/1995	Kiên Giang	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
5	127211142	Nguyễn Hoàng Nam Nhật	Nam	11/7/1995	Long An	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
6	127211145	Hạ Kỳ Văn	Nam	28/02/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
7	127211148	Đào Thị Thu Hiền	Nữ	04/10/1996	Hải Phòng	Nhân khoa.		
8	127211149	Lê Thái Minh Hiếu	Nam	21/4/1996	Bình Định	Nhân khoa.		
9	127211150	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nam	26/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa.		
10	127211151	Ngô Mạc Như Quỳnh	Nữ	05/8/1996	Đắk Lắk	Nhân khoa.		
11	127211152	Hồ Công Thùy Thanh	Nữ	07/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa.		
12	127211153	Nguyễn Văn Thành	Nam	07/7/1972	Bình Định	Nhân khoa.		
13	127211154	Phan Nữ Hoài Thương	Nữ	26/4/1996	Gia Lai	Nhân khoa.		
14	127211155	Trần Thanh Tú	Nữ	21/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa.		
15	127211159	Phạm Thái Hải Nhi	Nữ	03/9/1996	Lâm Đồng	Nhi khoa.		
16	127211160	Ngô Chí Quang	Nam	11/12/1995	Kiên Giang	Nhi khoa.		
17	127211161	Bùi Ngọc Minh Thanh	Nữ	01/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa.		
18	127211166	Đỗ Hải An	Nữ	31/8/1995	An Giang	Nội khoa		
19	127211167	Nguyễn Trần Vĩnh An	Nam	06/4/1996	Cà Mau	Nội khoa		
20	127211168	Trần Gia Bảo	Nam	15/10/1993	Bình Dương	Nội khoa		
21	127211169	Trần Vi Điện	Nam	21/6/1994	Quảng Ngãi	Nội khoa		
22	127211170	Trần Huỳnh Mỹ Duyên	Nữ	09/6/1995	Ninh Thuận	Nội khoa		
23	127211171	Lê Đình Triều Giang	Nữ	18/6/1994	Ninh Thuận	Nội khoa		
24	127211174	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	16/10/1996	Hà Nội	Nội khoa		
25	127211177	Phạm Thị Diễm Kiều	Nữ	07/3/1991	Long An	Nội khoa		
26	127211178	Hà Văn Minh	Nam	25/7/1993	Thanh Hóa	Nội khoa		
27	127211179	Phạm Tố Như	Nữ	29/6/1996	Đồng Nai	Nội khoa		
28	127211180	Trần Âu Quế Nhung	Nữ	17/6/1990	Long An	Nội khoa		
29	127211181	Hà Thúc Nhượng	Nam	04/4/1983	Bình Định	Nội khoa		
30	127211182	Nguyễn Hoàng Thiên Phát	Nam	05/11/1993	Tiền Giang	Nội khoa		
31	127211183	Trương Gia Phúc	Nam	23/5/1995	Phú Yên	Nội khoa		
32	127211184	Trần Quyên Phương	Nữ	30/7/1996	An Giang	Nội khoa		
33	127211186	Nguyễn Thanh Tân	Nam	08/11/1996	Tiền Giang	Nội khoa		
34	127211188	Phan Thị Thanh Thanh	Nữ	13/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa		
35	127211189	Nguyễn Trung Công Thành	Nam	15/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa		
36	127211191	Võ Đăng Toàn	Nam	12/01/1995	Bình Định	Nội khoa		
37	127211192	Phan Hữu Trí	Nam	31/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa		
38	127211193	Đoàn Quang Trường	Nam	26/3/1994	Thừa Thiên Huế	Nội khoa		
39	127211194	Phan Duy Tùng	Nam	23/3/1993	Đồng Nai	Nội khoa		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
40	127211196	Đào Thị Hoàng Yến	Nữ	06/10/1995	Lâm Đồng	Nội khoa		
41	127211199	Lữ Thị Thanh Hiền	Nữ	10/02/1994	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)		
42	127211201	Phan Thị Lan Hương	Nữ	27/8/1993	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)		
43	127211202	Huỳnh Như Huỳnh	Nữ	20/6/1994	Bến Tre	Nội khoa (Da liễu)		
44	127211203	Danh Bảo Khánh	Nữ	20/10/1995	Sóc Trăng	Nội khoa (Da liễu)		
45	127211204	Nguyễn Tấn Khoa	Nam	31/10/1996	Sóc Trăng	Nội khoa (Da liễu)		
46	127211205	Lê Nguyệt Linh	Nữ	02/10/1996	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)		
47	127211206	Trịnh Thị Tuyết Minh	Nữ	11/5/1994	Bến Tre	Nội khoa (Da liễu)		
48	127211207	Huỳnh Thị Như Mỹ	Nữ	19/6/1994	Bình Định	Nội khoa (Da liễu)		
49	127211208	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	15/4/1994	Khánh Hòa	Nội khoa (Da liễu)		
50	127211209	Phan Thị Kim Ngọc	Nữ	01/9/1996	Bình Thuận	Nội khoa (Da liễu)		
51	127211210	Nguyễn Duy Thanh	Nam	17/7/1996	Cà Mau	Nội khoa (Da liễu)		
52	127211211	Nguyễn Trần Anh Thư	Nữ	25/01/1995	Quảng Nam	Nội khoa (Da liễu)		
53	127211212	Chung Lê Đoàn Trang	Nữ	15/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)		
54	127211213	Ngô Thị Phương Uyên	Nữ	14/7/1996	Quảng Bình	Nội khoa (Da liễu)		
55	127211214	Lương Thế Vinh	Nam	06/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)		
56	127211215	Võ Tường Thảo Vy	Nữ	06/10/1994	Thừa Thiên Huế	Nội khoa (Da liễu)		
57	127211216	Phùng Xuân Kim Yến	Nữ	01/02/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Da liễu)		
58	127211217	Châu Hồng Anh	Nữ	01/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)		
59	127211218	Phạm Đỗ Phương Anh	Nữ	25/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)		
60	127211221	Phạm Nguyên Huân	Nam	12/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)		
61	127211224	Nguyễn Trần Quỳnh Như	Nữ	19/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)		
62	127211228	Nguyễn Thị Đào	Nữ	22/12/1995	Hà Tĩnh	Nội khoa (Lão khoa)		
63	127211229	Trương Ngọc Dung	Nữ	14/8/1995	An Giang	Nội khoa (Lão khoa)		
64	127211230	Phạm Trường Giang	Nam	19/7/1991	Bến Tre	Nội khoa (Lão khoa)		
65	127211232	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	18/5/1994	Long An	Nội khoa (Lão khoa)		
66	127211234	Lê Thị Hồng Hoa	Nữ	07/12/1995	Bình Dương	Nội khoa (Lão khoa)		
67	127211235	Lê Quốc Hưng	Nam	19/10/1991	Bình Thuận	Nội khoa (Lão khoa)		
68	127211236	Nguyễn Quốc Huy	Nam	25/3/1996	Quảng Ngãi	Nội khoa (Lão khoa)		
69	127211239	Nguyễn Thị Liên	Nữ	12/12/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Lão khoa)		
70	127211240	Huỳnh Thị Mỹ Linh	Nữ	26/12/1995	Gia Lai	Nội khoa (Lão khoa)		
71	127211241	Đinh Thị Na	Nữ	02/6/1994	Quảng Trị	Nội khoa (Lão khoa)		
72	127211243	Trần Thị Mỹ Nhật	Nữ	23/8/1994	Tây Ninh	Nội khoa (Lão khoa)		
73	127211245	Lê Trịnh Thùy Tiên	Nữ	25/8/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)		
74	127211246	Nguyễn Huỳnh Quang Tín	Nam	16/3/1993	Long An	Nội khoa (Lão khoa)		
75	127211247	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	Nữ	30/7/1995	Đồng Tháp	Nội khoa (Lão khoa)		
76	127211248	Trương Thị Thu Trang	Nữ	07/9/1993	Hậu Giang	Nội khoa (Lão khoa)		
77	127211249	Trình Thục Trinh	Nữ	25/6/1996	Ninh Thuận	Nội khoa (Lão khoa)		
78	127211252	Đỗ Nguyễn Thảo Uyên	Nữ	26/6/1996	Đồng Nai	Nội khoa (Lão khoa)		
79	127211253	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	15/10/1993	Tiền Giang	Nội khoa (Lão khoa)		
80	127211255	Nguyễn Mạnh Nguyên	Nam	08/02/1990	Đắk Lắk	Nội khoa (Nội tiết)		
81	127211259	Nguyễn Thị Huệ Thiên	Nữ	14/01/1995	Bình Thuận	Nội khoa (Nội tiết)		
82	127211264	Hoàng Thị Diệu Nguyên	Nữ	10/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Phục hồi chức năng)		
83	127211265	Hoàng Trí Phương	Nam	22/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Phục hồi chức năng)		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
84	127211267	Đặng Thị Hiền Thảo	Nữ	25/6/1996	Gia Lai	Nội khoa (Phục hồi chức năng)		
85	127211268	Đoàn Thị Thùy Trang	Nữ	25/4/1994	Lâm Đồng	Nội khoa (Phục hồi chức năng)		
86	127211269	Phan Minh Tuấn	Nam	24/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Phục hồi chức năng)		
87	127211270	Phạm Ánh Minh	Nữ	11/7/1995	Tiền Giang	Nội khoa (Tâm thần)		

Ấn định danh sách này gồm 87 học viên

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Hiện diện:

Vắng mặt:

ThS. Lê Thị Thanh Phương

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2